

Bản án số: 297/2018/DS-ST

Ngày: 06/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương
2. Ông Lâm Huỳnh Đệ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2017/TLST-DS ngày 10/11/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 58/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ: Lầu 8, 226 -268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T; Địa chỉ: Lầu 8, 226 -268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 1220/2017/UQ-TTT ngày 24/10/2017), (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Từ Kim Ngọc; địa chỉ: 6/40 đường TH, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, các bản tự khai của nguyên đơn ông Trần Đức Thắng là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 07/01/2016, Bà N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ( bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Ngọc, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng tiền là 264.835.759 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 107.700.000 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Từ tháng 12/2016 đến nay thì Bà N không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ( Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tyêu cầu bà Từ Kim N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/9/2018 367.910.594 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi đồng), trong đó: 226.916.164 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn một trăm sáu mươi tư đồng) nợ gốc và 140.994.430 đồng (Một trăm bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi đồng) nợ lãi. Bà N còn phải thanh toán lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng sau ngày 07/9/2018 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

\* Bà Từ Kim Ngọc, là bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Từ Kim N không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Từ Kim N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Theo kết quả xác minh của Công an Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/11/2017 : « *Đương sự Từ Kim N, sinh năm : 1973; Hộ khẩu thường trú :*

6/40 đường TH, Phường M, Quận X. Hiện đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 4/2015, đi đâu không rõ (lý do thiếu nợ), không có trình báo với Công an Phường 1, Quận 11 ». Do bị đơn là Từ Kim N có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Tòa án mà không có lý do dù Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Ngày 28/8/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

Về khoản nợ gốc: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: Ngày 07/01/2016 bà Từ Kim N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng tiền là 264.835.759 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 107.700.000 đồng. Từ tháng 12/2016 đến nay thì bà N không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ, do đó đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 24 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định nghĩa vụ của khách hàng: “*Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng*”, xét thấy yêu cầu của ngân hàng về việc buộc bà N phải thanh toán số tiền gốc 226.916.164 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét về lãi vay: lãi vay và các loại phí đã được các bên thỏa thuận; lãi suất ngân hàng việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 11 của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước); căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt

động thẻ ngân hàng thì chủ thẻ có nghĩa vụ “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*”; căn cứ vào Điều 23 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng Thương mại Cổ phần T ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn “*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng....Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:*

- *Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ số nợ;*
- *Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ...”*; do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc bà N thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 06/9/2018 là 140.994.430 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/9/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như là thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử cho bị đơn để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà N không có mặt tại Tòa, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc và nợ lãi được chấp nhận.

Như vậy, tính đến hết ngày 06/9/2018, tổng số tiền bà Từ Kim N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T là 367.910.594 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi tư đồng).

4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “ bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (367.910.594 đồng) Vì vậy, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 18.395.530 đồng (mười tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng), nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí nguyên đơn đã nộp là 7.057.235 (bảy triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004641 ngày 08/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11 và Điểm c Khoản 2 Điều 24 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, buộc bà Từ Kim N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/9/2018 là 367.910.594 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi tư đồng) trong đó: nợ gốc là 226.916.164 (hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm mười sáu nghìn, một trăm sáu mươi tư) đồng; lãi quá hạn là 140.994.430 (một trăm bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm ba mươi) đồng.

Bà Từ Kim N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 07/9/2018 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/01/2016 được ký kết giữa bà Từ Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Từ Kim N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 18.395.530 đồng (mười tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền án phí nguyên đơn đã nộp là 7.057.235 (bảy triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004641 ngày 08/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Lại Thị Thu Thủy**

